

# CÂU XÁ LUẬN TỤNG SỐ LUẬN BỐN

## QUYỂN 8

### 1. Nói về phẩm Thế gian:

Dưới đây là thứ ba nói về phẩm thế gian, trong đó có hai:

1) Nói về hữu tình thế gian. 2) Nói về khí thế gian.

Y theo phần nói về hữu tình thế gian, trong đó có hai:

1) Nói chung về hữu tình. 2) Phán quyết khác nhau.

Nói chung về hữu tình lại chia làm ba:

1. Nói về hữu tình sinh. 2. Nói về hữu tình trụ. 3. Nói về hữu tình diệt.

Trong phần hữu tình sinh lại chia ra chín thứ:

1. Nói về ba cõi. 2. Nói về năm đường. 3. Nói về bảy thức trụ. 4. Nói về chín hữu tình cư. 5. Nói về bốn thứ trụ. 6. Nói về bốn sinh. 7. Nói về Trung hữu. 8. Nói về Duyên khởi. 9. Nói về bốn hữu.

- Nói về Ba cõi Luận chép: đã nương ba cõi, tâm phân biệt..

Nay thứ lớp sẽ nói ba cõi là gì: đều ở trong đó, xứ biệt có mấy, tụng rằng:

*Địa ngục bàng sinh quỷ  
Người, sáu trời lục dục  
Gọi cõi Dục hai mươi  
Do địa ngục châu khác.  
Trên đây mười bảy chỗ.  
Gọi cõi Sắc trong đó  
Ba tinh lự đều ba,  
Tinh lự thứ tư tám  
Cõi Vô Sắc không chỗ  
Do sinh có bốn thứ  
Nương đồng phân và mạng  
Làm cho tâm nối tiếp.*

Giải thích: Hàng đầu nói về cõi Dục. Hàng kế nói về cõi Sắc một hàng sau nói về cõi Vô Sắc. Hai câu đầu nêu tên năm đường.

Tiếng Phạm là Na-lạc-ca, Hán dịch là khổ cụ, dịch nghĩa là địa ngục, vì dưới đất có ngục đây là dịch chẳng đúng.

Nói bằng sinh: Là loài khi đi xương sống nằm ngang.

Quý: Là trong đời khác, thích trộm cắp vật của người.

Lại nói là Đa. Chỗ thờ tổ tông của người lại mong cầu nhiều để giữ gìn tự thân. Lạc tánh sợ hãi thân tâm thô tháo, nên gọi là quý.

Người: Vì thường lo nghĩ nên gọi là người.

Nói trời: Vì có ánh sáng, hoặc lại cao, thần dụng tự tại, được mọi người cầu khẩn nên gọi là Trời.

## **2. Nói về sáu tầng trời cõi Dục:**

Sáu tầng trời cõi Dục: gồm:

1) Trời Bốn đại vương chúng. 2) Trời Ba Mười Ba. 3) Trời Dạ-ma, Hán dịch là Thời phần, vì ở tầng trời ấy thường ca hát vui chơi.

4) Trời Đổ-sử-Đa: Hán dịch là Hỷ Túc: nghĩa là đối với năm dục lạc sinh tâm ưa thích.

5) Trời Lạc Biến Hóa vì đối với cảnh năm dục tự biến hóa.

6) Trời Tha Hóa Tự Tại: vì ở tầng trời đó tự tại.

Câu thứ ba nói về cõi Dục kết luận ở trên.

Năm đường trên đây thì khí và hữu tình gọi chung là cõi Dục.

Nói hai mươi: Nói trong cõi Dục có hai mươi chỗ.

Do địa ngục Châu khác: nói về lý do hai mươi chỗ.

Đối với năm đường trên, do địa ngục khác và từ châu khác nên thành hai mươi chỗ.

## **3. Nói về tám địa ngục:**

Địa ngục có tám gọi là địa ngục khác:

1) Địa ngục Đẳng Hoạt: nghĩa là hữu tình kia bị các thứ: chém, đâm, chích, mài v.v... bỗng gặp ngọn gió mát thổi đến thì liền sống lại như cũ nên gọi là Đẳng Hoạt.

2) Địa ngục Hắc Thằng: Trước dùng sợi dây đen cân lường thân thể, sau đó đem chĩa chém, nên gọi là Hắc Thằng.

3) Địa ngục Chúng Hợp: có nhiều khổ cụ, đều đến ép ngặt thân thể hợp bề đẳng tàn hại lẫn nhau nên gọi là Chúng Hợp.

4) Địa ngục Hào Khiếu: bị các thứ khổ ép ngặt, phát ra tiếng khóc lớn, vì buồn kêu than oán nên gọi là Đại Hào khiếu.

6) Địa ngục Viêm Nhiệt: ngọn lửa theo thân, bốc cháy hừng hừng, nóng khổ khó chịu nên gọi là Viêm Nhiệt.

7) Địa ngục Cực Nhiệt: hoặc trong hoặc ngoài, thân mình thân người, đều phát ra lửa mạnh, thiêu đốt lẫn nhau, vì rất nóng nên gọi là

Cực Nhiệt.

8) Địa ngục Vô gián: Chịu khổ không ngừng, hoặc khổ trong không vui nên gọi là Vô gián.

#### 4. Nói về bốn đại châu:

Nói Châu khác: Có bốn đại châu:

a. Châu Thiệm-bộ: ở phía Nam: Phía Nam châu này có cây Thiệm-bộ. Nay tên châu này hoặc từ rừng mà đặt tên, hoặc từ quả mà đặt tên, gọi là châu Thiệm-bộ.

b. Châu Thắng Thân: ở phía Đông: vì thân hình thù thắng, hoặc thân thù thắng hơn ở châu Thiệm-bộ nên gọi là châu Thắng Thân.

c. Châu Ngưu Hóa: ở phía Đông: vì châu này lấy trâu bò làm hàng hóa trao đổi nên gọi là châu Ngưu Hóa.

d. Châu câu-lô: ở phía Bắc, Hán dịch là Thắng Xứ, hoặc là Thắng Sinh. Trong bốn châu, châu này tốt đẹp nhất nên gọi là thắng xứ.

Cuộc sống tốt đẹp hơn hết nên gọi là Thắng sinh.

Tám địa ngục và bốn châu hợp thành mười hai chỗ. Đồng thời sáu tầng trời cõi Dục, bàng sinh ngã quỷ hợp thành hai mươi chỗ hoặc cõi hữu tình, từ tầng trời Tự Tại đến địa ngục Vô gián. Hoặc khí thế gian cho đến phong luân đều thuộc về cõi Dục.

Mười bảy chỗ trên đây là nêu cõi Sắc. Trên cõi Dục này có mười bảy chỗ gọi là cõi Sắc.

Ba tinh lự đều có ba: thiên thứ tư có tám: nêu mười bảy tên.

Nghĩa là ba tinh lự, mỗi tinh lự đều có ba: thiên thứ tư chỉ có tám chỗ hợp thành mười bảy chỗ. Khí và hữu tình gọi chung là cõi Sắc.

#### 5. Nói về bốn cõi thiên:

Thiên thứ nhất, có ba chỗ:

1) Trời Phạm Chúng, do Đại phạm thiên vương lãnh chúng.

2) Trời Phạm Phụ: hầu hạ bảo vệ Phạm vương, làm quan giúp đỡ.

3) Trời Đại phạm: do làm nhiều điều thiện được sanh về nên gọi là Phạm. Phạm này là lớn nên gọi là Đại phạm, do đó đặt được định Trung gian. Đầu tiên sanh về, nơi sau cùng chết đi, oai đức thù thắng nên gọi là Đại phạm Tinh lự thứ hai có ba tầng trời:

1) Trời Thiểu Quang: Ở nhị thiên, ánh sáng rất ít nên gọi là trời Thiểu Quang.

2) Trời Vô lượng quang: ánh sáng tăng dần đến vô hạn nên gọi là trời Vô Lượng quang.

3) Trời Cực Quang Tịnh: ánh sáng hơn các tầng trời trước chiếu

khắp tự địa nên gọi là cực quang.

Tĩnh lực thứ ba có ba tầng trời:

1. Trời Thiểu Tịnh: Là sự lạc thọ của đất ý nên gọi là Tịnh.

Trong thiên thứ ba thì tầng trời này tịnh rất ít nên gọi là Thiểu tịnh.

2. Trời Vô Lượng Tịnh: cõi này sự thanh tịnh tăng dần đến vô hạn nên gọi là trời vô lượng tịnh.

3. Trời Biến Tịnh: Tầng trời này thành tịnh cùng khắp nên gọi là Biến tịnh.

Thiên thứ tư có tám tầng trời:

1) Trời Vô vân: Trong hư không dưới tầng trời này không có đất ở như mây tụ hội nên gọi là Vân. Chư thiên trên đó, lại không có đất mây, không có đầu mây, nên gọi là Vô Vân.

2) Trời Phước Sinh: Lại có chúng sinh phước đức cao siêu mới được sinh về tầng trời này, nên gọi là Phước Sinh.

3) Trời Quảng Quả: chúng sinh cõi Sắc sinh về tầng trời này, ở đây rất thù thắng nên gọi là trời Quảng Quả.

4) Trời Vô Phiền: phiền là phiền não rắc rối, trong cõi trời Vô Phiền cõi này là đầu tiên nên gọi là Vô Phiền.

5) Trời Vô Nhiệt: đã được tạp tu định phẩm thượng Trung có thể khéo hàng phục dứt trừ từ chướng phẩm thượng Trung, ý lạc điều nhu, lia các nóng bức, nên gọi là Vô Nhiệt.

6) Trời Thiện Hiện: đắc định được tạp tu phẩm thượng, quả vị càng rõ nên gọi là Thiện Hiện.

7) Trời Thiện Kiến: đã được định tạp tu thượng thắng, lia chướng tu định, phẩm còn lại rất nhỏ nhiệm vì thấy rõ thấu suốt nên gọi là Thiện Kiến.

8) Trời Sắc Cứu Cánh: trong các tầng trời hữu sắc không còn có xứ nào hơn đây nên gọi là Sắc Cứu Cánh.

Năm tầng trời này gọi là trời Tịnh cư, chỉ có bậc Thánh ở, không có chúng sinh ở lẫn lộn, nên gọi là Tịnh cư.

Trong cõi Sắc lập mười bảy tầng trời là y vào tông Kinh Bộ, hoặc Tông Tát-bà-đa chỉ lập mười sáu tầng trời, trừ trời Đại phạm. Cho rằng trong trời Phạm Phụ có đài góc cao nên gọi là trời Đại Phạm.

Chỗ ở của thiên chủ thì không có đất riêng, như tòa Thế tôn ngôi, bốn chúng vây quanh cho nên không lập riêng trời Đại Phạm.

Trừ trời Vô tướng: nghĩa là trong trời Quảng Quả có chỗ cao đẹp gọi là trời Vô tướng. Không có đất riêng cho nên không lập. Sư Kinh

Bộ lập trời Đại, cho rằng Đại Phạm Vương và Đại Phạm Phụ chỗ ở tuy không khác, nhưng vì thân hình, tuổi thọ đều không đồng cho nên phải lập riêng, đây là Tông kinh Bộ.

Trừ trời Vô tướng: vì trời Vô tướng và trời Quảng Quả thân hình và tuổi thọ bằng nhau cho nên Vô tướng thuộc về Quảng Quả chứ không lập riêng. Hoặc Thượng tọa Bộ cũng lập trời đại phạm do thân hình và tuổi thọ khác nhau, cũng lập trời Vô tướng cho rằng nhân quả khác với trời Quảng Quả. Từ cõi Sắc này có mười tám tầng trời. Cõi Vô Sắc không có chỗ: là nói cõi Vô Sắc đều không có nơi chốn, vì không có sắc pháp không có nơi chốn, do sinh có bốn thứ: ở đây nói cõi Vô Sắc tuy không có nơi chốn. Nhưng do dị thực sinh, nên có bốn chỗ khác nhau:

### **6. Bốn tầng trời cõi Vô sắc:**

1. Trời Không Vô Biên xứ, trước tu định này, đối với giai đoạn gia hạnh, nhằm chán có sắc thân, suy nghĩ hư không là vô biên nên cho rằng hư không là vô biên gọi là Không Vô Biên xứ.

2. Thức Vô Biên xứ: chán cái không bên ngoài, lại suy nghĩ thức bên trong, nên nghĩ là thức vô biên, gọi Thức Vô Biên xứ.

3. Vô sở hữu xứ: kể là nhằm chán thức vô biên, suy nghĩ không có sở hữu, cho là Vô sở hữu gọi là Vô Sở hữu xứ.

4. Trời Phi tướng Phi phi tướng xứ. Cho rằng đây là thể chắc chắn, chẳng phải là tướng thô của bảy địa, gọi là Phi tướng. Nếu tướng hoàn toàn không có thì đồng với si ám. Vì có tướng nhỏ nhiệm nên gọi là Phi phi tướng.

Ba Vô Sắc trước từ gia hạnh mà đặt tên. Vô Sắc thứ tư ngay nơi thể mà được tên. Lại luận chép: làm sao biết được xứ kia không có nơi chốn? Là hỏi. Cho rằng ở chỗ này được định kia, khi chết sinh về chỗ này, lại mất chỗ kia sinh vào cõi Dục, cõi Sắc vì trung hữu (Thân trung ấm) phát khởi ở chỗ này. (Đáp câu hỏi trước).

Giải thích: ở chỗ này được định kia: tùy theo châu nào tu đắc định Vô Sắc xứ, tức là ở nơi chỗ tu định khi chết được sinh lên cõi Vô Sắc, sau đó mất ở cõi Vô Sắc sinh xuống cõi Dục, cõi Sắc, trở về quá khứ tu đắc định xứ vì trung hữu phát khởi nên biết cõi Vô Sắc không có nơi chốn.

Y vào đồng phần và mạng căn tâm đẳng nối tiếp: là nói sở y của cõi Vô Sắc. Cõi Dục có thân, nương thân mà chuyển cõi Vô Sắc không có thân hình, tâm nương vào đồng phần và mạng căn mà chuyển.

Hỏi: Vì sao gọi là cõi Dục?

Đáp: Cõi là tên chung. Dục là tên riêng. Vì riêng nương vào chung

nên gọi là côi Dục. Nói một cách đầy đủ. Dục sở thuộc giới, gọi là côi Dục. Sắc sở thuộc giới gọi là côi Sắc. Vô Sắc sở thuộc côi gọi là côi Vô Sắc. Lược bỏ đi chữ sở thuộc, chỉ gọi là côi Dục. Như nói côm Hồ Tiêu và vòng Kim Cương. Tên và vòng là tên chung. Hồ tiêu, Kim cương là tên riêng. Vì lấy riêng nường vào chung nên gọi là côm Hồ tiêu, vòng Kim Cương. Nói đầy đủ là Hồ Tiêu thuộc về côm. Kim Cương thuộc về vòng. Lược bỏ chữ sở thuộc chỉ gọi là côm Hồ Tiêu, vòng Kim Cương, so sánh rất dễ hiểu.

Hỏi: Trong đây muốn nói là nói pháp nào?

Đáp: Lược nói dứt bỏ thực dâm dẫn đến tham. Giải thích: Tham dâm, tham thực gọi là Dục.

Như bài tụng trong kinh chép: Các cảnh dục hấp dẫn ở thế gian chẳng chân thật. Chân dục nghĩa là người phân biệt tham. Diệu cảnh như bản trụ thế gian. Người trí đã dứt bỏ dục, bài tụng này do Phật nói, Xá-lợi tử vì người mà tụng, ý chấp tâm tham, gọi là dục chẳng phải cảnh ngoại đạo tà mạng bèn hỏi Xá Lợi Phất: nếu cảnh dục hấp dẫn ở thế gian không phải là chân dục. Chân dục là người phân biệt tham. Thì đáng lẽ Tỳ-kheo gọi là người thọ dục, vì khởi suy nghĩ là phân biệt ác thì thầy ông lẽ ra gọi là người thọ dục là hằng quán rất dễ hiểu được diệu sắc. Giải thích: Sư ngoại đạo này thật quán có thể biết sắc, Xá-lợi tử đáp rằng: Thầy ông thật quán rất dễ hiểu sắc, mà không gọi là người thọ dục, nói biết chân dục là tham, chẳng quan hệ cảnh ngoài, bấy giờ ngoại đạo im lặng lui ra.

### 7. Nói về năm đường:

Dưới đây là thứ hai nói về năm đường. Luận chép: đã nói ba côi, còn năm đường thế nào. Tụng chép:

*Trong đó địa ngục thủy*

*Tự gọi là năm đường*

*Chỉ vô phú vô ký*

*Hữu tình chẳng Trung hữu.*

Giải thích: hai câu đầu là nêu tên năm đường, hai câu sau là nói rộng các môn.

Trong đó, địa ngục thủy, tự gọi là năm đường: Trong ba côi có địa ngục v.v... gọi là năm đường. Trước đã nói: Địa ngục, bàng sanh, ngạ quỳ, người, trời gọi là năm đường.

Chỉ vô phú vô ký. Là nói rộng ba tánh, thể của năm đường này không có thiện nhiễm, chỉ có vô phú vô ký, bị nghiệp quá khứ chiêu cảm, là dị thực sinh vô ký, nếu có thiện nhiễm thì năm đường bị lẫn lộn,

rằng trong một đường có đủ nghiệp phiền não của năm đường. Cũng không chung với khí bên ngoài. Vì ở khí bên ngoài, có ở năm đường cùng thọ dụng chung.

Hữu tình chẳng phải trung hữu: Năm đường chỉ thuộc số hữu tình, thể chẳng phải Trung hữu, đường là sở đến, trung hữu là năng đến, Trung hữu chẳng phải đường. Thi Thiết Túc Luận chép: Bốn sinh thuộc năm đường, không phải năm đường thuộc bốn sinh. Không thuộc là vì sao? Cái gọi là Trung hữu (Giải thích: Trung hữu là hóa sanh, thuộc về bốn sanh, là năng đến, không thuộc về đường). Ở trên đã nói năm đường không chung thiện nhiễm và Trung hữu của khí bên ngoài biết rõ cõi rộng đường hẹp, vì thiện nhiễm kia, khí bên ngoài, trung hữu thuộc về ba cõi. Từ lý này, nếu là thể của đường thì chắc chắn thuộc về giới. Tự có là giới mà chẳng phải đường, cho là thiện nhiễm v. v...

Tiết thứ ba này nói về bảy thức trụ. Luận chép:

### **8. Nói về bảy thức trụ:**

Trong ba cõi và năm đường, thứ lớp như vậy thức trụ có bảy, bảy là gì? Tụng rằng:

*Thân khác và tướng khác  
Thân khác đồng một tướng  
Thành thân này tướng một  
Vô Sắc ba cõi dưới  
Nên thức trụ có bảy  
Còn lại chẳng tổn hoại.*

Giải thích:

Thân khác và tướng khác: là thức trụ thứ nhất.

Nghĩa là hoàn toàn là cõi người, một phần của tầng trời.

Cho nên Luận chép: Trong kế kinh nói: Hữu tình có sắc, thân khác tướng khác: Như một phần của người là đệ nhất thức trụ: trời một phần là các tầng trời cõi Dục và sơ thiền, trừ kiếp sơ khởi. giải thích: Như kiếp sơ đầu là thức trụ thứ hai, nên nay trừ ra, kể là nói rõ. Nói thân khác: Vì tướng trạng dung mạo khác. Do thân khác hoặc có dị thân nên gọi là thân khác.

Nói do thân khác: Là nói theo thể để nói. Nói có thân khác: Là y theo sự thành tựu.

Nói tướng khác: vì khổ, vui, xả tướng có khác nhau.

Do tướng khác kia hoặc do tướng khác nên gọi là tướng khác. Nói do tướng khác là nói theo thể.

Nói có dị tướng: là y theo sự thành tựu để nói câu thứ hai là thức

trụ thứ hai, đối với Sơ thiên chấp vào kiếp sơ khởi. nên luận chép: Hữu tình hữu sắc, thân khác tướng một, là thức trụ thứ hai, như trời Phạm chúng cho là kiếp Sơ bắt đầu. Giải thích: Thật ra cũng chấp. Phạm vương, Phạm Phụ, chỉ nói trời Phạm chúng là nêu thuộc về sau. Vì sao? Vì các Phạm Chúng kia từ kiếp Sơ khởi nghĩ rằng. Chúng ta đều sinh ra từ Đại Phạm Vương. Đại Phạm bấy giờ cũng nghĩ rằng: Các Phạm chúng này đều do ta sanh ra, đồng tướng một nhân, nên gọi là tướng một. Thân Đại Phạm Vương cao lớn, dung mạo oai nghiêm, lời nói ánh sáng đều không đồng với phàm chúng, nên gọi là thân khác, như trên là văn luận.

Hỏi: Vì sao Phạm Vương và Phạm Chúng khởi tướng một nhân?

Đáp: Đại Phạm Vương vào kiếp sơ chỉ trụ một mình. Lại không có người hậu, bèn phát nguyện rằng: Làm sao khiến cho các hữu tình khác sinh đồng phần với ta. Lúc ấy trời Cực Quang Tịnh thấy vậy thương xót chết ở chỗ kia sinh làm Phạm chúng. Phạm Vương bèn phát nguyện, thấy có người sinh lên tầng trời. Đại Phạm Vương nghĩ rằng: Ta có khả năng sinh.

Các Phạm Chúng kia vừa thấy oai đức tôn quý của Đại Phạm liền nhớ lại biết được nguyên nhân trước đây là do Phạm Vương phát thệ nguyện mình sinh đến đây. Cho nên Phạm chúng nghĩ rằng: chúng ta đều do Đại Phạm Vương sinh ra.

Thành thân này tướng một: trong một câu này có hai lớp thức trụ nói trở thành thân này. Là trở thành thân khác mà tướng một ở trên. Đáng lẽ nói thân một tướng khác, là thức trụ thứ ba, cho nên Luận chép: hữu tình có sắc, thân một tướng khác. Nhưng trời Cực Quang Tịnh là thức trụ thứ ba, giải thích: Thật ra cũng thuộc về tầng trời Thiếu Quang Tịnh, trời Vô Lượng Quang chỉ nói Cực Quang Tịnh, nêu sau để nhiếp đầu. Tầng trời kia hiển hình, tướng mạo không khác, nên gọi là thân một.

1. Tướng lạc, phi khổ lạc hai tướng giao nhau, nên gọi là tướng khác. Theo truyền thuyết nơi tầng trời kia nhằm chấn địa căn bản, hỷ căn rồi lại khởi tâm cận phần địa xả căn hiện ra, nhằm chấn phần địa xả căn rồi khởi địa căn bản hỷ căn hiện ra. Như người giàu sang nhằm chấn dục lạc, lại thọ pháp lạc. Chấn pháp lạc rồi lại thọ dục lạc.

Thân tướng một: Là thức trụ thứ tư. Luận chép: Hữu tình có sắc thân một tướng một như trời Biến Tịnh là thức trụ thứ tư, giải thích: Thật ra cũng thuộc tầng trời Thiếu Tịnh, Trời Vô Lượng Tịnh chỉ nói trời Biến Tịnh, nêu sau để nhiếp đầu.



Nói thân một: là dung mạo không khác, nói tướng một là chỉ có lạc thọ tướng.

Lại Luận chép: Trong Sơ thiên do tướng nhiễm ô, cho nên nói tướng một.

Đệ nhị thiên do tướng hai thiện nên nói tướng khác.

Đệ tam thiên do tướng dị thực nên nói tướng một giải thích: Văn này kiết thúc phần trên, phân biệt khác nhau do tướng nhiễm ô nghĩa là đồng tướng một nhân, là giới cấm thủ, do tướng dị thực, nghĩa là lạc thọ tướng do nghiệp chiêu cảm đồng thời ba cõi dưới của Vô Sắc.

Là trừ Hữu Đảnh nghĩa là không sử, là thức trụ thứ năm.

Thức xứ là thức trụ thứ sáu. Vô sở hữu xứ là thức trụ thứ bảy.

Cho nên thức trụ có bảy là tổng kiết.

### **9. Nói về thức trụ:**

Nói Thức trụ: thức sở trụ lạc. Hoặc năm uẩn cõi Dục, cõi Sắc là thể, hoặc bốn uẩn cõi Vô Sắc là thể, còn lại thì không có tổn hại, phân biệt với phi.

Còn lại là ba đường ác.

Thiên thứ tư và tầng trời Hữu Đảnh, những chỗ này đều chẳng phải thức trụ.

Nói Hữu tổn là để phân biệt với ba đường ác cho rằng ba đường ác có thọ khổ nhiều, có thể làm tổn hại cho thức.

Nói có hoại, là để phân biệt với thiên thứ tư và tầng trời Hữu Đảnh nghĩa là thiên thứ tư có định vô tướng và sự vô tướng. Trong tầng trời Hữu đảnh, có định diệt tận, có thể tổn hại thức, làm cho xen hở nối tiếp nên chẳng phải thức trụ.

Lại Luận chép: lại nói hữu tình chỗ khác, tâm thích tự do, nếu đến nơi đây vì không cầu ra khỏi nên nói thức trụ ở các chỗ ác, hai nghĩa đều không có thiên thứ tư tâm thường cầu ra khỏi. Nghĩa là các chúng sinh cầu nhập vô tướng, nếu các bậc Thánh thích nhập Tịnh Cư hoặc chỗ Vô Sắc. Nếu tầng trời Tịnh Cư thích chứng tịch diệt. Hữu Đảnh tối tăm yếu kém cho nên chẳng phải thức trụ. giải thích: Ở thiên thứ tư, ba tầng trời Vô vân, Phước sanh, Quảng Quả có cả phàm và Thánh cư trú, nếu là phàm phu thì cầu nhập Vô tướng, nếu là bậc Thánh và người ưa thích trí tuệ cầu nhập Tịnh cư, người ưa thích định thì cầu nhập Vô Sắc, những người còn lại có thể biết.

### **10. Nói về chín chỗ ở của hữu tình:**

Dưới đây là thứ tư nói về chín chỗ ở của hữu tình.

Luận chép: Phân biệt bảy thức trụ như thế, đã do đây lại nói chín

chỗ ở của hữu tình chín chỗ ở ấy là gì? Tụng chép:

*Nên biết gồm Hữu Đảnh.  
Và hữu tình vô tướng.  
Làm chín hữu tình ở.  
Còn lại đều thích trụ.*

Giải thích: Bảy thức trụ trước gồm trời Hữu Đảnh và Vô Tướng xứ, gọi là chín.

Các loại hữu tình chỉ ở trong chín chỗ này ưa thích nương trụ, lập chỗ ở của hữu tình. Chỗ khác đều không còn vì không thích nương trụ. Nói chỗ khác: Các chỗ ác khác loài hữu tình chẳng tự ưa thích ở trong đó. Nghiệp ác la-sát ép ngặt buộc phải nương trụ. Như lao ngục không phải chỗ ở của hữu tình.

Đệ tứ thiên: Trừ trời Vô Tướng còn tám cõi khác chẳng phải chỗ của hữu tình. Như giải thích thức trụ.

### **11. Nói về bốn thức trụ:**

Dưới đây là thứ năm nói nói bốn thức trụ. Luận chép: trước đã dẫn kinh nói bảy thức trụ. Lại kinh khác nói bốn thức trụ.

2. Bốn thức ấy là gì?

*Bốn thức trụ nên biết  
Bốn uẩn chỉ tự địa  
Nói chỉ thức chẳng trụ  
Hữu lậu thuộc bốn câu.*

Giải thích: nói bốn thức trụ: là nêu tên. Hai chữ “nên biết” là thuộc về câu dưới.

Như kinh nói: thức theo sắc mà trụ, thức theo thọ trụ. Thức theo tưởng mà trụ, thức theo hành mà trụ, bốn sở trụ này, thức là năng trụ. Vì sở trụ của thức nên gọi là bốn thức trụ.

Nên biết bốn uẩn: là nói về thể. Sắc thọ tưởng hành gọi là bốn uẩn. Bốn uẩn hữu lậu là thể của thức trụ. Từ địa là chấp vào bốn uẩn tự địa, làm thể vì uẩn của tự địa thuộc về ái, thức theo lực của ái, chấp trước vào ai này nên gọi là thức trụ.

Nên đối với tha địa thì không có ái nhiếp thọ, vì thể không có thức trụ. Cho nên Luận chép: không ở trong các uẩn như sắc... đối với dị địa, thức theo năng lực của ái, mê đắm vào năng lực ái kia nói chỉ thức chẳng trụ. Đây là nói thức uẩn chẳng phải Thức trụ. Cho rằng thức uẩn này là thức năng trụ, không thể trụ lập làm sở trụ, cho nên thức chẳng phải thức trụ.

Luận chép: Chẳng phải thức năng trụ, có thể gọi là sở trụ.

Như chẳng phải là vua, cũng gọi là chỗ ngồi của vua. Hoặc nếu có pháp bị thức nương tựa.

Ví như người đi thuyền nên gọi là thức trụ. Không có thức thì có thể chế ngự tự thể cho nên không nói thức là thức trụ. Tỳ-Bà-Sa nói như thế. Giải thích: Vua dụ cho thức năng trụ, chỗ ngồi của vua dụ cho bốn uẩn sở trụ như người chèo thuyền, người dụ cho các uẩn, thuyền dụ cho sắc v.v... nghĩa bốn uẩn có thể hiểu.

Lại ý Phật nói: Bốn thức trụ này giống như thừa ruộng tốt. Nói chung tất cả hữu tình chấp vào các thức. Giống như hạt giống, không thể dùng hạt giống lập thành mảnh ruộng tốt, suy xét ý của Thế tôn dạy như thế. (Như trên là văn luận).

Hữu lậu thuộc bốn câu: là nói về đồng khác.

Đồng: Bốn thức trụ này và bảy thức trụ thuộc về hữu lậu.

Dị: phân biệt bốn câu, cho rằng bốn thức trụ địa vị rộng mà thể hẹp, có cả đường ác, cho nên địa vị rộng, chẳng phải thức uẩn cho nên thể hẹp, nếu bảy thức trụ thì thể rộng vị hẹp, có cả thức uẩn làm thể cho nên thể rộng chẳng phải đường ác v.v... cho nên địa vị hẹp có rộng hẹp lẫn nhau được thành bốn câu. Có bảy thức trụ, chẳng phải bốn thức trụ nghĩa là trong bảy thức thuộc cả bảy. Bảy thức trụ này vì thức uẩn chẳng phải là bốn thức trụ. Có khi bốn thức trụ, chẳng có bảy thức trụ, cho rằng ba đường ác, thiên thứ tư và trời Hữu Đảnh, trong đó có bốn uẩn như thọ v.v... Vì bốn uẩn là bốn thức trụ. Vì đường ác không có bảy thức trụ. Thứ ba đều là câu là bốn uẩn trong bảy thức. Thứ tư đều chẳng phải câu: trừ tướng trước, tức trong đường ác ở trước thì thức uẩn, là đường ác chẳng phải bảy thức trụ, vì thức uẩn không có bốn thức trụ.

## 12. Nói về bốn sinh:

Dưới đây là thứ sáu nói về bốn sinh.

Luận chép: ở trước nói ở trong các cõi các đường đáng lẽ phải biết chúng sinh ở đó, lược có bốn thứ: bốn thứ là gì? Chỗ nào? Có gì? (Ở đây có hai câu hỏi). Tụng rằng:

*Trong đó có bốn thứ  
Hữu tình: là noãn thủy.  
Người, bàng sinh đủ bốn  
Địa ngục và các trời.  
Trung hữu chỉ hòa sinh  
Quý có cả thai, hóa.*

Giải thích: hai câu đầu trả lời câu hỏi thứ nhất, bốn câu sau trả lời câu hỏi thứ hai.

Trong đó có bốn loài sanh là nêu số, trong ba cõi có bốn loài chúng sinh.

Hữu tình là noãn thủy: là nêu tên: nghĩa là các loài hữu tình có bốn loài sinh: noãn sinh, thai sinh, thấp sinh và hóa sinh. Như loài chim sẻ sinh từ trứng gọi là noãn sinh. Như trâu ngựa sinh từ bào thai gọi là thai sinh. Như con ngài sinh từ khí ẩm gọi là thấp sinh. Như các vị trời các căn đầy đủ ngay lập tức không mà chợt có nên gọi là hóa sinh.

Người, bàng sinh đủ bốn: cõi người, bàng sinh đều có bốn loài chúng sinh. Người từ noãn sinh: như Thế-la-ổ-bà-thế-la sanh ra từ trứng chim hạc, nai mẹ sanh ra ba mươi hai con, vua Bàn-già-la có năm trăm người con. Giải thích: Thế-la, Hán dịch là Đại Sơn.

Ổ-bà-thế-la Hán dịch là Tiểu sơn. Vì sinh gần núi nên dùng núi đặt tên.

### 13. Trích dẫn bốn sự:

Luận Bà-sa chép: xưa ở châu này có một người đi buôn ra biển, bắt được một con hạc mái, màu sắc rất đẹp, nó sinh ra được cái trứng, sau đó trứng nở ra hai đồng tử, đẹp đẽ thông minh, lớn lên xuất gia đắc quả A-la-hán.

Người con cả tên là Thế-la.

Người con kế tên Ổ-bà-thế-la.

Lộc mẫu là phu nhân Tỳ-xá-khư. Tỳ-xá-khư là tên trăng và sao, từ ngôi sao mà đặt tên. Hán dịch là nuôi lớn tức là công đức sinh trưởng. Con của trưởng giả Di-già-la có vợ sinh con tên là Lộc, nên gọi là Lộc mẫu. Từ con mà gọi tên, sinh được ba mươi hai cái trứng, mỗi trứng nở ra một người con.

Vua Bàn-già-la có người vợ sinh được năm trăm trứng, khi sinh ra cảm thấy hổ thẹn. Cho là tai biến, bèn lấy bỏ vào cái hộp nhỏ thả xuống sông Khắc-già, theo nước trôi đi. Vua nước lân cận đang nhìn dòng nước chảy bỗng thấy cái hộp bèn cho người vớt lên thì thấy có những cái trứng, liền cho người đem vào trong thành, mấy ngày sau mỗi trứng nở ra một người, nuôi lớn, nó đi đến đâu mọi người đều quy phục, không ai dám thù địch. Bấy giờ vua nước lân cận kia và nhà vua có oán thù từ lâu muốn dấy binh đánh chiến, trước có viết cáo: nay muốn chinh phạt, bèn tìm hậu binh đến vây quanh thành ấy, để đánh phá.

Vua Bàn-già-la rất sợ hãi. Vương phi hỏi thăm, trấn an nhà vua rằng: Bệ hạ không nên buồn sầu. Năm trăm người con này đều là con của ta, rồi trình bày hết sự tình ấy, hễ người con thấy mẹ thì tâm ác liền dứt, Vương phi lên thành bảo nói rõ cho năm trăm người con biết nhân

duyên trên, nay vì sao lại gây ra tội nghịch nếu không tin thì mọi người nên há miệng ra, phi bèn ấn vào hai đầu vú, có năm trăm giọt sữa, mỗi giọt sữa rót vào một miệng, lúc ấy họ mới tin phục, từ đó hai nước hòa hợp quan hệ thân thiết không còn giao chiến nhau nữa.

Người từ thai sinh: như người đời này.

Người từ thấp sinh: như Mạn-đà-la, Già-lô, Ổ-ba-gia-lô, Cáp-man, Am-la-vệ nữ.

Giải thích: Mạn-đà-la: Hán dịch là Ngã dưỡng, vua BỐ-sát-đà sinh ra từ mụn bọc trên đầu, dung mạo xinh đẹp. Vua ẵm vào cung. Các cung nữ đều nói tôi có thể nuôi dưỡng. Cho nên gọi bằng tên ấy.

Sách xưa nói: Đảnh Sanh, đây là dịch nghĩa, nhưng không phải dịch đúng. Vị này lớn lên làm vua Kim Luân.

Già-lô: Hán dịch là Bể Sinh. Ổ-Ba-già-lô: Hán dịch là Tiểu bể. Ở hai đầu gối vua ngã Dưỡng, đều có mọc một bọc nước, mỗi bọc nước sinh ra một người con, từ chỗ sinh đó mà đặt tên. Tiểu là nêu tên riêng, cũng làm Luân Vương.

Cáp man: xưa có một vị vua tên là Tinh Thọ, dưới nách vua có một bọc nước và sinh ra một người con gái, đặt tên là Cáp Man. Như Bồ câu bay ra, vua quý trọng như tóc mai. Cho nên đặt tên ấy.

Am la vệ nữ: từ khí ẵm của cây am-la mà sinh ra, từ cây mà đặt tên.

Người từ hóa sinh: chỉ lúc bắt đầu kiếp sơ, ba thứ: bàng sinh, người thấy nhau, hóa sinh: như rồng, yết lộ trà v.v...

Giải thích: Hán dịch là Đảnh Anh, cũng gọi là Tô thích-ni, Hán dịch là Diệu sí xưa dịch là Kim sí diệu.

Đại ngục và các trời, trung ấm chỉ hóa sinh: tất cả địa ngục, chư thiên, trung hữu điều chỉ có hóa sinh. Ngạ quỷ có cả thai sinh và hóa sinh.

Quỷ từ thai sinh: như ngạ quỷ mẹ bạch Tôn giả Mục liên: vào ban đêm con sinh ra năm quỷ con, hễ sanh ra đứa nào thì ăn thịt đứa đó, ban ngày sinh năm quỷ con cũng vậy, dù ăn hết nhưng vẫn không no. giải thích: Ý nói có thai sanh. Luận chép: Trong tất cả loài chúng sinh loài nào cao quý nhất? Đáng ra phải nói hóa sinh la hơn hết, nếu vậy vì sao Bồ tát hậu thân được sống tự tại mà còn thọ thai sinh. Vì thấy thọ thai sinh có lợi ích lớn. Vì dẫn dắt các vị trời, Đế Thích Các thân thuộc làm cho họ được vào chánh pháp. Lại dẫn các loài khác làm cho biết Bồ tát là loại Luân Vương, sinh tâm cung kính do đó mà bỏ tà quay về chánh pháp. Lại làm cho loài hóa sinh thêm lớn tâm hướng thượng. Họ

đã là người có khả năng thành tựu đại sự. Chúng ta cũng vậy sao không thể làm nhân mà phát sanh chánh cần chuyên tu chánh pháp. Lại nếu không như vậy thì khó biết dòng tộc, sợ nghi huyễn hóa là trời là quỷ, như ngoại đạo kiểu luận chê bai: Qua trăm kiếp sau sẽ có đại huyễn xuất hiện ở thế gian. Cho nên thọ thai sinh. Để dứt các việc chê bai nên có các sư khác nói là lưu giữ thân cỗi nên thọ thai sinh, làm cho vô lượng người và các loài khác cùng lúc khởi tâm cúng dường, ngàn người được sinh lên cõi trời và chúng giải thoát. Nếu thọ hóa sinh mà không có hạt giống ngoài đạo, thân mới chết lại không để lại nhục thân, như tắt đèn thì không thấy gì. Như trên là văn luận, tiếng phạn là Đà-đô, Hán dịch là giới, là giới của thân Phật, cũng gọi là Thất-lợi-la, Hán dịch là Thế Phật, thân thế. Xưa dịch là Xá-lợi, những điều sai lầm khác rất dễ hiểu.

#### 14. Nói về Trung hữu:

Dưới đây là thứ bảy nói về trung hữu, trong đó có hai:

- 1) Nói về trung hữu
- 2) Bác bỏ ngoại đạo

Trong phần nói về trung hữu chia làm ba đoạn:

- 1) Nói về trung hữu.
- 2) Chứng minh có trung hữu.
- 3) Nói rộng các môn.

Lại trong phần nói về trung hữu luận chép: trong đây pháp nào gọi là Trung hữu; vì sao Trung hữu chẳng gọi là sinh? Tụng rằng.

*Trong tử hữu sinh hữu  
Năm ấm gọi Trung hữu  
Chỗ chưa đến nên đến  
Nên trung hữu chẳng sinh.*

Giải thích: Hai câu trên trả lời câu hỏi đầu, hai câu dưới trả lời câu hỏi thứ hai.

Trong tử hữu sinh hữu.

Năm ấm gọi trung hữu: Sau tử hữu còn có sinh hữu hiện ra, trong hai hữu có uẩn khởi là chỗ đến thọ sinh cho nên khởi thân này.

Hai Hữu trung gian có năm uẩn khởi, là chỗ sanh đến cho nên khởi thân này, hai đường trung gian gọi là Trung hữu. Chỗ chưa đến đáng đến, cho nên trung hữu không sinh: là trả lời câu hỏi thứ hai. Trung hữu đã khởi thì không gọi là sinh. Cho là chưa đến tương lai kia, chỗ đáng đến nên trung hữu không gọi là sinh. Luận chép: Sao nói là tương lai chỗ đáng đến, (là hỏi) nghĩa là dẫn dị thực, rất ráo rờ rằng ấy gọi là

tương lai chỗ đáng đến. (là đáp)

Giải thích: vì trung hữu chỉ có mắt trời mới thấy, mờ tối yếu kém không rõ ràng.

### 15. Nói về có Trung hữu:

Dưới đây là thứ hai nói về có Trung hữu. Theo Đại Chúng bộ, thì không lập Trung hữu. Cho nên Luận chép: Có bộ khác nói từ tử đến sinh. Chỗ ở cách tuyệt cho nên không có Trung hữu. Nói về tông Đại chúng bộ. Điều này không nên chấp nhận. (Luận chủ đều bác bỏ). Vì sao? Đại chúng bộ nêu. Vì y theo lý giáo. (Đáp chung) sao gọi là lý giáo. Tụng rằng:

*Như ngũ cốc nối tiếp  
Chỗ sinh không xen hở.  
Vật thật có không thành  
Không đồng nên chẳng dụ  
Một chỗ không cả hai  
Chẳng nối tiếp hai đời  
Nói có Kiện-đạt-phước  
Cùng với kinh Ngũ Thất.*

Giải thích: Sáu câu đầu là y theo lý chứng minh, câu bảy và câu tám y theo giáo để chứng minh, hai câu đầu lập tỷ lượng để phá Đại chúng bộ.

Như vỏ cây nối tiếp: Nghĩa là như hạt giống ngũ cốc mùa xuân gieo giống, mùa thu thu hoạch. Trung gian ắt có mầm nối tiếp.

Như quả ngũ cốc đã là nối tiếp, muốn chỗ ở không xen hở, sát-na nối tiếp sinh. Nói Vô gián: Là bật dứt hạt giống quả, trung gian, như mầm, cọng v. v...

Như ngũ cốc nối tiếp, chỗ ở tuyệt không xen hở. Hữu tinh nối tiếp, lý cũng phải như vậy. Sự sinh tử của hữu tinh là pháp nối tiếp. Thế nào là xen hở tuyệt hẳn. Nói không có trung hữu, đây là có tỷ lượng. Như ngũ cốc v.v... là đồng dụ. Chỗ ở không xen hở là tông pháp. Nối tiếp sinh là nhân.

Lượng rằng: sinh tử là pháp hữu vi, muốn chỗ ở không xen hở là tông pháp.

Nhân là nối tiếp sinh.

Đồng dụ: giống như quả hạt giống.

Hạt quả là nối tiếp, quả hạt giống không dứt hẳn. Sinh tử là nối tiếp sinh. Sinh tử không dứt hẳn, thể của vật thật có vì không thành, không đồng nhau cho nên chẳng phải dụ là bác bỏ chống chế của Đại

Chúng bộ.

### 16. Sự chống chế của Hữu bộ:

Luận chép: chẳng lẽ hiện thấy pháp hữu vi nối tiếp sinh mà ở trong đó xứ cũng có xen hở, như soi gương, theo chất mà hiện bóng. Cũng vậy, hữu tình có sinh tử, xứ tuy có xen hở, đâu ngại nối tiếp sinh.

Giải thích: đây là Đại chúng bộ chống chế.

Nói nối tiếp sinh là nhân, trong nhân có lỗi bất định có sinh có tử, như hạt giống vì nối tiếp sinh chắc chắn không có cắt đứt chẳng?

Là như chất bóng vì nối tiếp sinh cũng có đứt hẳn ư. Đồng thời nói: chất bóng là nối tiếp sinh. Chất bóng là đứt hẳn. Sinh tử là nối tiếp sinh, sinh tử cũng đứt hẳn là phá chống chế này. Cho nên có bài tụng này. Điều này có hai lý để phá.

1) Lập chất, bóng, thật có bất thành.

2) Bóng dụ cho không đồng với pháp. Do hai lý này cho nên chẳng phải dụ. Nên luận chép: chỉ là sắc sinh nên gọi là tượng, thể là thật có lý thì không thành, dù cho thành cũng chẳng đồng. Cho nên không thành dụ một chỗ không có cả hai.

Giải thích câu bóng thật có ở trên không thành câu luận có bốn nghĩa: giải thích một chỗ thì không có cả hai.

1) Cho là ở một chỗ sắc gương và bóng đều thấy trước mắt hai sắc không phải đồng chỗ đều có: vì y theo đại chủng khác. Giải thích: Đối với một chỗ gương không thể thật có, tượng vào gương sắc cả hai đều sanh, đã cả hai đều sanh nên tượng không thật.

2) Lại trên dòng nước hẹp sắc hình hai bên bờ đồng chỗ, cùng lúc đều hiện hai bóng, người ở hai bên bờ đều thấy rõ ràng, không hề có một chỗ, đồng thấy hai màu, không nên nói hai màu này đều sinh. Giải thích: Đối với một chỗ nước, hai bờ bóng sanh, hai tượng đã thế, đồng sanh cho nên biết tượng chẳng phải thật có.

3) Lại bóng và ánh sáng chưa hề đồng một chỗ. Nhưng từng thấy trong gương treo có bóng, bóng sáng hiện rõ ràng, hiện ở mặt gương không phải ở đây nghĩa là cả hai đều sinh. Giải thích: Sanh chướng ánh sáng gọi là bóng, nên biết chỗ bóng không được có sánh sáng đã thấy ánh sáng của gương trong bóng thì tượng chẳng thật.

4) Hoặc nói một chỗ không có cả hai: ánh trăng ở mặt gương gọi là hai, gần xa thấy khác. Như nhìn nước giếng, nếu có thì đều sinh làm sao thấy khác. Nên biết các hình bóng đối với lý thật không có. Giải thích: Ở một chỗ gương có hai tượng là mặt gương và trăng, nhìn tượng trong mặt gương thì gần, quán mặt trăng thì xa, nếu hai tượng là thật thì



đâu ở một chỗ, gần xa thấy khác.

### 17. Giải thích:

Lại Luận chép: nhưng các nhân duyên, thế lực hòa hợp làm cho thấy như vậy. Vì các pháp tánh có công năng khác nhau, khó có thể suy nghĩ, bàn luận. Giải thích: Khiến cho thấy như thế là thế lực của chất gương v.v... lại thấy mặt gốc thật không có tượng. Chẳng nối tiếp hai sinh. Vì giải thích trên không đồng cho nên chẳng phải dụ.

Chẳng phải nối tiếp: Ông lập bóng chẳng phải một nối tiếp không đồng với pháp. Nói nối tiếp là diệt đây sinh kia, vì chỉ từ trong gương có bóng hiện, là nói biết rõ chất bóng thể loại đều khác, chẳng phải một nối tiếp. Lại bóng và bản chất có cùng lúc. Nên biết chất và bóng chẳng phải là nối tiếp. Nếu pháp sinh tử là một nối tiếp phải từ cái chết này, sau đó kia mới sanh, ông dùng chất lượng chẳng phải một pháp nối tiếp mà dụ một pháp sinh tử nối tiếp là thật không đồng.

Nói hai sinh: ông lập bóng gá vào hai duyên sinh, không đồng với pháp nghĩa là bản chất và gương là hai duyên. Sinh hữu chỉ từ nơi tử hữu làm duyên. Cho nên sinh có khởi chỉ là một duyên. Ông dùng pháp hai duyên sinh để dụ pháp một duyên sinh là không thể đồng với pháp cho nên chẳng phải dụ. Đã y theo chánh lý để bác bỏ tông kia. Nên biết sinh tử chắc chắn có trung hữu.

Nói có kiện-đạt-phước và kinh Ngũ Thất: là dẫn giáo để chứng minh. Như Khế kinh nói: vào thai mẹ phải có ba việc:

1. Lúc ấy thân người mẹ phải khoan khoái.
2. Cha mẹ giao hợp.
3. Kiện-đạt-phước.

Chánh hiện ra trước. Kinh này đã nói kiện-đạt-phước, là nói biết có Trung hữu.

Kiến đạt phước: Hán dịch là tầm hương, là hương mà thân trung hữu dùng.

Kinh Ngũ Thất: như Khế kinh nói: có năm Bất Hoàn:

1. Trung ban. 2. Sinh ban. 3. Hữu hành ban. 4. Vô hành ban. 5. Thượng lưu ban.

Kinh này nói có Trung ban, biết rõ có trung hữu, ở trong trung hữu, mà bát Niết-bàn gọi là Trung ban. Và thất kinh: lại kinh nói: có cõi bầy thiện sĩ, trong Đại Chúng Bộ có sự khác giải thích rằng:

Trung ban: chẳng phải Trung hữu. Trong tên Trung thiên trụ trong Trung thiên, đắc bát Niết-bàn gọi là Trung ban.

Cho nên dẫn kinh Thất Thiện Sĩ để bác bỏ thuyết kia, nói lên

thành Trung hữu. Cho nên Luận chép: lại kinh nói có bảy đường thiện sĩ nghĩa là đối với năm thứ trước đây, Trung ban chia làm ba:

Do xứ và thời, gần, vừa, xa.

### 18. Nêu ví dụ:

1. Thí như lúc đốm lửa nhỏ mới léo lên đến gần thì tắt, Thiện Sĩ cũng vậy thí như lúc rền sắt, đốm lửa tung tóe mới phát lên nửa chừng thì nó không còn.

2. Thiện Sĩ cũng vậy thí như hàn sắt lửa mạnh tung tóe xa chưa rơi xuống đất thì đã tắt.

3. Thiện Sĩ cũng vậy, chẳng phải là sở chấp của họ, chỉ có riêng Trung thiên, có thời xứ này. Ba phẩm khác nhau cho nên sở chấp kia chắc chắn không đúng lý.

Giải thích: Thiện Sĩ lúc đầu: Mới thọ Trung hữu ở cõi Sắc. Chưa ra khỏi cõi Dục, được bát Niết-bàn, thời xứ đều gần.

Thiện Sĩ thứ hai là thọ Trung hữu đã đến trung gian hai cõi đắc bát Niết-bàn. Thời xứ đều trung bình.

Thiện Sĩ thứ ba là vừa đến cõi Sắc chưa kịp thọ sinh liền đắc bát Niết-bàn thời xứ đều xa.

Đại Chúng Bộ lại có giải thích rằng: Tuổi thọ Trung gian đắc bát Niết-bàn nên gọi là Trung ban, chẳng có Trung hữu.

Luận chủ bác bỏ rằng: Lại cõi Vô Sắc lẽ ra cũng có Niết-bàn trung gian, kia cũng có tuổi thọ trung gian, đắc bát Niết-bàn, nhưng cõi Vô Sắc không có Trung ban. Vì trong bài kệ Ôn-đà-nam nói nhóm hợp chung các bậc Thánh hiền.

Bốn Thiên mỗi thiên đều có mười vị. Sơ thiên có mười vị, đắc sơ thiên định, là người thứ nhất. Lại đắc sơ thiên rồi gieo trồng phần thiện giải thoát, là người thứ hai. Lại đắc sơ thiên rồi hiện bát là người thứ ba, cùng với bảy thiên sĩ ở trước là mười vị.

Đệ nhị, tam, tứ thiên đều nói theo số này.

Ba Vô Sắc đều có bảy (trong mười trừ trung ban ba) chỉ có sáu nghĩa là Phi tướng trong bảy thứ trước lại trừ thượng lưu, vô thượng sinh y theo văn tụng này. Trong cõi Vô Sắc chắc chắn không có trung ban cho nên điều họ chấp trở thành luống dối. Lại Đại Chúng Bộ dẫn một bài tụng trong kinh để chứng minh không có Trung hữu, tụng rằng:

“Tái sinh nay ông vượt vị cao”.

Giải thích: Có ngoại đạo bà-la-môn tên là Tái Sinh, lúc tuổi già ông ta đến yết kiến Đức Thế tôn. Thế Tôn quở trách, nay ông tuổi già đã qua giai đoạn hưng thịnh của đời người. Ngoài thai có năm giai

đoạn:

Anh hài. 2. Đồng tử. 3. Thiếu niên. 4. Thành niên. 5. Lão niên.

Già suy rồi sắp gần hầu ma vương, đến giai đoạn suy yếu già nua muốn đến đường trước mà không có tư lương, (không có tư lương giới, định, tuệ). Cầu trụ trung gian, không có chỗ dừng. Đại chúng bộ nói: bài tụng này chép: Trung gian không có chỗ dừng, là nói không có trung hữu, nếu có trung hữu thì có chỗ dừng. Luận chủ giải thích chung rằng ý bài tụng này nói lên nghĩa trong người kia nhanh chóng trở về chỗ mòn diệt không hề tạm dừng gọi là không có chỗ dừng hoặc có thể Trung Hữu gọi là không có chỗ dừng là đến chỗ sinh, cũng không tạm dừng vì đi không trở ngại.

